

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
DONG NAI ROOF SHEET CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Address: Road 4, Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province, Viet Nam
Tel: (84-613) 836130-836022 – Fax: (84-613) 836023 – Email: donac@hcm.vnn.vn

Số : 06 /CTTL-KTTC

Biên Hòa, Ngày 22 tháng 1 năm 2013

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <u>2600</u>
	Giờ: <u>Ngày 23 tháng 1 năm 13</u>

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM

v/v thay thế Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/2012

Công ty Cổ phần Tầm Lợp VLXD Đồng Nai xin trân trọng cảm ơn Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã hỗ trợ rất nhiều trong hoạt động của Công ty những năm qua.

Ngày 21/1/2013 Công ty có gửi Quý đơn vị Báo cáo tài chính quý 4/ 2012 , nhưng do trong phần Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/2012 có nhầm số liệu chỉ tiêu số 15, mã số 51 chi phí thuế thu nhập hiện hành quý .

Nay Công ty CP Tầm lợp VLXD Đồng nai làm công văn này, xin thay thế Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/ 2012 ngày 17/1/2013 bằng Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/2012 ngày 22/1/2013 .

Công ty rất mong sự hỗ trợ giúp đỡ của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, xin trân trọng cảm ơn!



TỔNG GIÁM ĐỐC

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Khánh

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu VP,KTTC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138,278,140,335	156,545,464,026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5,380,978,985	3,917,431,449
1. Tiền	111		5,380,978,985	3,117,431,449
2. Các khoản tương đương tiền	112			800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			-
III. Các khoản phải thu	130		62,045,764,055	11,437,310,843
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	58,622,500,953	9,680,482,078
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,355,406,995	1,285,487,328
3. Phải thu nội bộ	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	2,067,856,107	471,341,437
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		64,236,474,725	139,650,584,844
1. Hàng tồn kho	141	V.5	64,236,474,725	139,650,584,844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,614,922,570	1,540,136,890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,383,225,069	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	2,231,697,501	1,540,136,890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,000,082,627,691	1,048,966,465,630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		910,082,627,691	952,235,600,420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	877,174,955,298	880,272,334,609
<i>Nguyên giá</i>	222		1,036,522,174,375	980,548,057,649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159,347,219,077)	(100,275,723,040)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	9,075,011,188	9,082,650,170
<i>Nguyên giá</i>	228		9,626,146,689	9,333,877,589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(551,135,501)	(251,227,419)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	23,832,661,205	62,880,615,641
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90,000,000,000	90,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	90,000,000,000	90,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	6,730,865,210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			235,900,000
3. Tài sản dài hạn khác	268			6,494,965,210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,138,360,768,026	1,205,511,929,656

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		793,885,518,931	816,659,689,029
I. Nợ ngắn hạn	310		389,138,745,987	385,513,178,984
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	265,695,109,807	209,477,595,402
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	44,649,073,976	65,956,066,783
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	893,971,363	61,513,767,644
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.16	8,004,872,887	6,168,820,178
5. Phải trả người lao động	315	V.17	5,140,706,833	4,539,842,782
6. Chi phí phải trả	316			3,228,610,250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	60,189,719,660	28,595,932,204
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			4,565,291,461	6,032,543,741
II. Nợ dài hạn	330		404,746,772,944	431,146,510,045
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		404,569,826,807	427,569,826,807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		176,946,137	3,576,683,238
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		344,475,249,095	388,852,240,627
I. Vốn chủ sở hữu	410		344,475,249,095	388,852,240,627
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	272,236,470,000	272,236,470,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76,737,250,400	76,737,250,400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(11,470,855,106)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,243,301,309	11,243,301,309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,450,902,692	11,450,902,692
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(27,192,675,306)	28,655,171,332
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,138,360,768,026	1,205,511,929,656

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.22	30,398,249,230	41,615,568,652
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39,460,608	39,460,608
5. Ngoại tệ các loại :			
- Dollar Mỹ (USD)		489.67	448.08
- Euro (EUR)		372.78	367.99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 17 tháng 1 năm 2013

**BÙI THỊ HOAN**
Người lập biểu**NGUYỄN THỊ ÁNH**
Kế Toán Trưởng**TRẦN QUỐC KHÁNH**
P.Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	531,441,454,357	312,131,319,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC DV	10	VL.1	531,441,454,357	312,131,319,967
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	492,626,109,273	223,029,973,921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		38,815,345,084	89,101,346,046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	1,514,586,163	1,072,246,969
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	108,044,072,414	27,475,062,576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		107,769,136,942	25,680,686,307
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	7,978,038,974	4,769,831,439
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	18,711,253,475	14,759,563,298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(94,403,433,616)	43,169,135,702
11. Thu nhập khác	31	VL.7	36,581,180,033	447,753,485
12. Chi phí khác	32	VL.8	723,595,841	601,327,750
13. Lợi nhuận khác	40		35,857,584,192	(153,574,265)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58,545,849,424)	43,015,561,437
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	465,834,315	9,623,753,042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3,163,837,101)	1,272,741,225
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(55,847,846,638)	32,119,067,170
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	(2,051)	1,180

Đồng nai ngày 17 tháng 1 năm 2013


Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
 Kế Toán trưởng


Trần Quốc Khánh
 P.Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4/2012

Đơn vị tính = đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123,934,637,450	100,632,007,291	531,441,454,357	312,131,319,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		123,934,637,450	100,632,007,291	531,441,454,357	312,131,319,967
4. Giá vốn hàng bán	11		114,569,280,826	76,723,959,289	492,626,109,273	223,029,973,921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		9,365,356,624	23,908,048,002	38,815,345,084	89,101,346,046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		26,456,101	127,095,385	1,514,586,163	1,072,246,969
7. Chi phí tài chính	22		25,524,221,507	13,076,958,275	108,044,072,414	27,475,062,576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25,513,560,495	12,731,974,411	107,769,136,942	25,680,686,307
8. Chi phí bán hàng	24		1,869,770,768	1,936,368,947	7,978,038,974	4,769,831,439
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,354,914,740	4,709,054,616	18,711,253,475	14,759,563,298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23,357,094,290)	4,312,761,549	(94,403,433,616)	43,169,135,702

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
11. Thu nhập khác	31		-767,725,252	129,657,979	36,581,180,033	447,753,485
12. Chi phí khác	32		100,037,450	45,286,630	723,595,841	601,327,750
13. Lợi nhuận khác	40		(867,762,702)	84,371,349	35,857,584,192	(153,574,265)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24,224,856,992)	4,397,132,898	(58,545,849,424)	43,015,561,437
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(1,494,650,748)	1,226,259,852	465,834,315	9,623,753,042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				(3,163,837,101)	1,272,741,225
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22,730,206,244)	3,170,873,046	(55,847,846,638)	32,119,067,170
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(835)	116	(2,051)	1,180

NGƯỜI LẬP BIỂU



BÙI THỊ HOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ ÁNH



Lập, ngày 22 tháng 1 năm 2013

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

CHỈ TIÊUMã
số Thuyết
minh

Năm nay

Năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**1. Lợi nhuận trước thuế**

01

(58,545,849,424)

43,015,561,437

2. Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định

02

V.10

59,241,394,074

6,257,586,695

- Các khoản dự phòng

03

-

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

04

(484,050,762)

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

05

(1,353,500,000)

(424,224,753)

- Chi phí lãi vay

06

107,769,136,942

25,680,686,307

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

08

107,111,181,592

74,045,558,924

- Tăng, giảm các khoản phải thu

09

(48,952,373,682)

21,850,174,664

- Tăng, giảm hàng tồn kho

10

75,414,110,119

(99,849,938,733)

- Tăng, giảm các khoản phải trả

11

(66,778,263,837)

52,251,838,261

- Tăng giảm chi phí trả trước

12

(4,383,225,069)

- Tiền lãi vay đã trả

13

(79,031,176,626)

(24,834,043,040)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

14

V.17

(4,415,828,944)

(5,230,974,418)

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

15

6,510,227,549

8,000,000

- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

16

(1,467,252,280)

(2,835,128,403)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20

(15,992,601,178)

15,405,487,255

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

21

(17,155,328,452)

(191,048,081,248)

- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

22

42,022,000

264,368,500

- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

23

- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

24

- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

25

- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

26

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

27

1,353,500,000

175,061,111

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

30

(15,759,806,452)

(190,608,651,637)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)*Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu				
1. hũu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		288,082,391,841	376,175,462,620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(254,864,877,436)	(203,272,175,170)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII.2		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>33,217,514,405</i>	<i>172,903,287,450</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,465,106,775	(2,299,876,932)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3,917,431,449	6,215,749,142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,559,239)	1,559,239
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5,380,978,985	3,917,431,449

Đồng Nai, ngày 17 tháng 1 năm 2013


BUI THỊ HOAN
Người lập biểu
NGUYỄN THỊ ÁNH
Kế toán trưởng
TRẦN QUỐC KHÁNH
P.Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp. Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng. Bổ sung : sản xuất, mua bán : Clinker (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân cư. Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy. Mua bán xe ô tô, xe gắn máy . Bốc xếp hàng hóa.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33.3%
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	5% - 12.5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2% đến 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính:

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hoá được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ Bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân 06 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Công thương tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1.**

Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	124.043.389	150.082.793
Tiền gửi ngân hàng	5.256.935.596	2.967.348.656
Các khoản tương đương tiền		800.000.000
Cộng	5.380.978.985	3.917.431.449

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- DNTN Nam Vũ	1.403.688.000	
- DNTN Bảy Mai	1.729.893.205	323.618.104
- Công ty CP Ximăng Công Thanh	54.307.179.487	
- Các khách hàng khác	1.181.740.261	9.356.863.974
Cộng	58.622.500.953	9.680.482.078

3. Trả trước cho người bán

Chủ yếu là khoản ứng trước cho nhà cung cấp.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Cty CP Tư Vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật biển	156.460.000	156.460.000
- Cty CP sản xuất thương mại Đào Gia	241.592.398	
- Công ty Tư vấn và Thiết kế XD	256.000.000	256.000.000
- Các khách hàng khác	701.354.597	873.027.328
Cộng	1.355.406.995	1.285.487.328

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Các khoản phải thu khác	2.067.856.107	471.341.437
Cộng	2.067.856.107	471.341.437

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	35.698.417.428	126.298.354.912
Công cụ, dụng cụ	424.558.655	318.141.696
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	26.235.645
Thành phẩm	28.087.904.927	13.007.852.591
Cộng	64.236.474.725	139.650.584.844

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	2.200.397.501	1.533.836.890
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.300.000	6.300.000
Cộng	2.231.697.501	1.540.136.890

7. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí trả trước chờ phân bổ của cần cầu tại Nhơn Trạch Đồng Nai	4.383.225.069	
Cộng	4.383.225.069	

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	430.461.419.836	507.663.195.880	39.763.212.534	2.660.229.399	980.548.057.649
Tăng trong kỳ	47.917.570.567	5.543.307.684	2.096.876.273	645.528.364	56.203.282.888
Giảm trong kỳ		183.540.000	45.626.162		229.166.162
Số cuối kỳ	478.378.990.403	513.022.963.564	41.814.462.645	3.305.757.763	1.036.522.174.375
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.694.895.178	61.635.665.892	15.092.892.279	852.269.691	100.275.723.040
Khấu hao trong kỳ	22.255.907.224	32.033.823.134	4.518.718.678	432.945.038	59.241.394.074
Giảm trong kỳ		124.271.875	45.626.162		169.898.037
Số cuối kỳ	44.950.802.402	93.545.217.151	19.565.984.795	1.285.214.729	159.347.219.077
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	407.766.524.658	446.027.529.988	24.670.320.256	1.807.959.707	880.272.334.609
Số cuối kỳ	433.428.188.001	419.477.746.413	22.248.477.850	2.020.543.034	877.174.955.298

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	9.333.877.589		251.227.419	9.082.650.170
Tăng trong kỳ		292.269.100	299.908.082	292.269.100
Giảm trong kỳ				299.908.082
Số cuối kỳ	9.333.877.589	292.269.100	551.135.501	9.075.011.188

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Nhà máy xi măng Nhơn Trạch	14.854.545.356	8.984.074.620		311.637.831	23.526.982.145
-Bến xả lan 30.000 tấn	47.758.901.912	158.668.655	47.917.570.567		
- Mua sắm TSCĐ	267.168.373	330.867.060	292.356.373		305.679.060
Cộng	62.880.615.641	9.473.610.335	48.209.926.940	311.637.831	23.832.661.205

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khóan góp vốn vào Cty CP xi măng Công Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ dài hạn	
Số đầu kỳ	6.494.965.210
Số phát sinh tăng trong kỳ	204.236.161
Số phát sinh giảm trong kỳ	6.699.201.371
Số cuối kỳ	/

13. Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn**+ Vay ngắn hạn :**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay NH thương mại CP Công thương VN-Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	222.695.109.807	169.477.595.402
Vay dài hạn đến hạn phải trả	43.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	265.695.109.807	209.477.595.402

Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay

- Số tiền vay đầu kỳ	209.477.595.402
- Số tiền vay phát sinh trong kỳ	288.082.391.841
- Số tiền kết chuyển từ vay dài hạn	23.000.000.000
- Số tiền trả trong kỳ	(254.864.877.436)
- Số cuối kỳ	265.695.109.807

+ Vay dài hạn :

Vay SGD2 –NH Công Thương (Dự án NM Xi măng Công Thanh Nhơn Trạch – Đồng Nai)	
- Số tiền vay đầu kỳ	427.569.826.807
- Số kết chuyển đến hạn phải trả	23.000.000.000
- Số tiền vay cuối kỳ	404.569.826.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Material resources & trading Corporation	26.988.729.000	2.217.749.819
- Công ty CPVLXD & Chất đốt Đồng Nai	519.874.976	
- DNTN Đại Quốc Cường	1.501.248.912	
- CN khu vực phía nam Cty ĐT&PT Logistics Vinashin	1.114.504.528	
- Cty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	2.087.334.838	
- China Machine-Buidlding Internationnal Corp	/	55.106.891.107
- Các nhà cung cấp khác	12.437.381.722	8.631.425.857
Cộng	44.649.073.976	65.956.066.783

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Công ty CP Vận Tải An Tôn	328.088.261	
- Công ty CP Ximăng Công Thanh		61.486.667.616
- Các khách hàng khác	565.883.102	27.100.028
Cộng	893.971.363	61.513.767.644

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế phải nộp Nhà nước	6.168.820.178	32.225.371.814	30.389.319.105	8.004.872.887
Thuế GTGT hàng bán nội địa	575.039.877	18.122.325.315	14.734.724.662	3.962.640.530
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		8.085.666.544	7.253.098.486	832.568.058
Thuế xuất, nhập khẩu		3.620.723.401	3.224.262.421	396.460.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.559.988.317	465.834.315	4.415.828.944	1.609.993.688
Thuế thu nhập cá nhân	30.811.611	465.884.815	458.565.292	38.131.134
Thuế tài nguyên	2.980.373	63.629.716	60.357.700	6.252.389
Các loại thuế khác		1.401.307.708	242.481.600	1.158.826.108

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành với thuế suất cho từng hoạt động

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tầm lợp, xi măng, gạch 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.545.849.424)	43.015.561.437
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.220.117.280	1.514.015.631
- Các khoản điều chỉnh giảm	(943.600.000)	(6.034.564.901)
Thu nhập chịu thuế		38.495.012.167
Thu nhập được miễn thuế	(1.350.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	(45.619.332.144)	38.495.012.167
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		9.623.753.042
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	465.834.315	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	465.834.315	9.623.753.042

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	1%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	3%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng	6%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

17. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm tiêu thụ nội bộ) trong năm.

Đơn giá tiền lương được Hội đồng quản trị duyệt hàng năm.

Đơn giá tiền lương năm 2010 được duyệt là:

- Xi măng sản xuất tại Đồng nai :	24.000 đồng /tấn
- Xi măng sản xuất tại Nhơn Trạch(từ tháng 1-2/2012)	12.000 đồng/ tấn
- Tầm lợp	2.300 đồng/m ²
- Ngói :	655 đồng/viên
- Gạch :	350 đồng/viên

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	818.496.948	377.503.119
Kinh phí công đoàn	383.000.614	203.227.397
Cổ tức phải trả	27.271.285.675	27.271.285.675
Bảo hiểm thất nghiệp	105.589.719	42.241.441
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	31.611.346.704	701.674.572
Cộng	60.189.719.660	28.595.932.204

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	/
Số trích lập trong kỳ	254.500.000
Số chi trong kỳ	254.500.000
Số cuối kỳ	/

20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	181.490.980.000	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742
Tăng vốn trong năm trước	90.745.490.000	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	32.119.067.170
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(27.223.647.000)
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	1.503.239.193	(4.509.717.580)
Giảm các quỹ năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332
Tăng vốn trong kỳ				
Lợi nhuận trong kỳ				(55.847.846.638)
Chia cổ tức trong kỳ				
Trích lập các quỹ trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	272.236.470.000	11.243.301.309	11.450.902.692	(27.192.675.306)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

21. Quỹ khen thưởng , phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.376.019.769		1.188.920.000	2.187.099.769
Quỹ phúc lợi	2.656.523.972		278.332.280	2.378.191.692
Cộng	6.032.543.741		1.467.252.280	4.565.291.461

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công**

	Số cuối kỳ/	Số đầu kỳ /
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Cty CP Xi măng Công Thanh	25.042.476.730	34.815.011.152
Giá trị Vó bao nhận gia công xi măng cho Cty CP Xi măng Công Thanh	5.355.772.500	6.800.557.500
Số cuối kỳ	30.398.249.230/	41.615.568.652

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu***Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo*

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	531.441.454.357	312.131.319.967
<i>Doanh thu tiêu thụ thành phẩm</i>	<i>226.818.716.647</i>	<i>238.493.665.057</i>
<i>Doanh thu gia công</i>	<i>301.118.383.940</i>	<i>72.517.924.680</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.504.353.770</i>	<i>1.119.730.230</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>		
Doanh thu thuần	531.441.454.357	312.131.319.967

2. Giá vốn hàng bán

	Năm Nay	Năm trước
<i>Giá vốn của thành phẩm</i>	<i>158.606.193.677</i>	<i>161.546.704.715</i>
<i>Giá vốn gia công</i>	<i>333.275.024.761</i>	<i>61.022.043.268</i>
<i>Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</i>	<i>744.890.835</i>	<i>461.225.937</i>
Cộng	492.626.109.273	223.029.973.921

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm Nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.246.201	110.628.161
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.500.000	175.061.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.350.000.000	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		185.510.935
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		484.050.762
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.839.962	116.996.000
Cộng	1.514.586.163	1.072.246.969

4. Chi phí tài chính

	Năm Nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	107.769.136.942	25.680.686.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá	274.935.472	1.794.376.269
Chi phí tài chính khác		
Cộng	108.044.072.414	27.475.062.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<i>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo</i>	
	Năm Nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.642.446.618	2.255.551.343
Chi phí công cụ, đồ dùng	1.482.526.189	305.665.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.962.083.917	285.165.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.559.380.249	1.480.370.212
Chi phí khác	331.602.001	443.078.945
Cộng	7.978.038.974	4.769.831.439

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm Nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	4.820.242.552	3.662.128.562
Chi phí vật liệu quản lý	1.813.082.152	42.722.398
Chi phí đồ dùng văn phòng		1.251.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.641.937.694	1.524.917.316
Thuế, phí và lệ phí	238.286.958	91.080.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.762.519.919	5.079.341.280
Chi phí khác	4.435.184.200	4.358.121.614
Cộng	18.711.253.475	14.759.563.298

7. Thu nhập khác

	Năm Nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		264.368.500
Các khoản thu nhập khác	36.581.180.033	183.384.985
Cộng	36.581.180.033	447.753.485

8. Chi phí khác

	Năm Nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	59.268.125	15.204.858
Phạt hành chính	35.000.000	534.216.609
Các khoản chi phí khác	629.327.716	51.906.283
Cộng	723.595.841	601.327.750

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong kỳ Công ty mượn tiền của Chủ tịch Hội đồng quản trị số tiền là 870.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ này đã được hoàn trả.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.597.708.299	1.383.391.904
Thù lao và các khoản khác	779.970.000	319.200.000
Cộng	1.760.678.299	1.702.591.904

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	193.969.499.801	173.237.033.766
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	301.984.332.430	81.058.937.800
Cho mượn		
Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh		
Mua tài sản cố định và dịch vụ bảo hành máy	752.554.962	1.202.252.975

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh		
Trả trước tiền mua tài sản cố định	-	358.916.250
Cộng nợ phải thu	-	358.916.250
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Tiền gia công xi măng	54.307.179.487	
Cộng nợ phải thu	54.307.179.487	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tấm lợp: sản xuất sản phẩm tấm lợp và bán cho các Công ty hoặc cá nhân
- Sản phẩm xi măng: sản xuất xi măng bán cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lợp	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.673.557.097	301.118.383.940	3.508.583.770	-	531.300.524.807
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	72.947.000	-	67.982.550		140.929.550
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.746.504.097	301.118.383.940	3.576.566.320		531.441.454.357
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.683.147.101	(43.182.019.380)	(1.375.075.086)	-	12.126.052.635
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					12.126.052.635
Doanh thu hoạt động tài chính					1.514.586.163
Chi phí tài chính				(108.044.072.414)	
Thu nhập khác					36.581.180.033
Chi phí khác				(723.595.841)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(465.834.315)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.163.837.101
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(55.847.846.638)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.903.932.684	9.619.415.603	2.631.980.165	-	17.155.328.452
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.231.999.687	53.262.276.470	4.747.117.917	-	59.241.394.074
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.957.372.783	7.514.074.953	1.100.503.573	-	69.571.951.309

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					69.571.951.309
Doanh thu hoạt động tài chính					1.072.246.969
Chi phí tài chính					(27.475.062.576)
Thu nhập khác					447.753.485
Chi phí khác					(601.327.750)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.623.753.042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.272.741.225)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					32.119.067.170
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25.000.000	190.509.299.430	513.781.818	-	191.048.081.248
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.083.011.338	3.586.358.722	588.216.635		6.257.586.695

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	117.399.987.881	907.677.407.015	15.623.731.161	1.040.701.126.057
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			97.659.641.969	97.659.641.969
Tổng tài sản				1.138.360.768.026
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	62.825.652.480	640.777.638.010	17.522.344.434	721.125.634.924
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			72.759.884.008	72.125.634.924
Tổng nợ phải trả				793.885.518.931
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	108.241.182.041	1.001.413.328.165	1.232.746.563	1.110.887.256.769
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94.624.672.886
Tổng tài sản				1.205.511.929.655

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lộp	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.351.098.222	763.257.313.549	8.658.525.8850	774.266.937.656
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.392.751.373
Tổng nợ phải trả				816.659.689.029

Đồng Nai, ngày 18 tháng 1 năm 2013

Bùi Thị Hoan
Người lập biểuNguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởngTrần Quốc Khánh
P.Tổng Giám Đốc